



BÀI KIỂM TRA - TUẦN 20

LỚP 4A3

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM



Bài 1 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

Phân số $\frac{3}{4}$ đọc là: Ba phần bốn. ☐ Phân số $\frac{1}{3}$ đọc là: Ba phần một. ☐

Phân số $\frac{2}{5}$ đọc là : hai phần năm. ☐ Phân số $\frac{1}{2}$ đọc là: Một phần hai. ☐

Bài 2 Chọn đáp án đúng:

☐ $\frac{8}{7} < 1$

☐ $\frac{5}{2} > 1$

☐ $\frac{8}{9} = 1$

☐ $\frac{11}{23} > 1$

Bài 3 Viết số thích hợp vào ô trống:

Trong các phân số: $\frac{4}{7}$; $\frac{9}{5}$; $\frac{15}{21}$; $\frac{12}{12}$; $\frac{17}{15}$; $\frac{39}{39}$:

Phân số bé hơn 1 và có mẫu số nhỏ hơn 20 là: —

Phân số bằng 1 có tử số lớn hơn 20 là: —

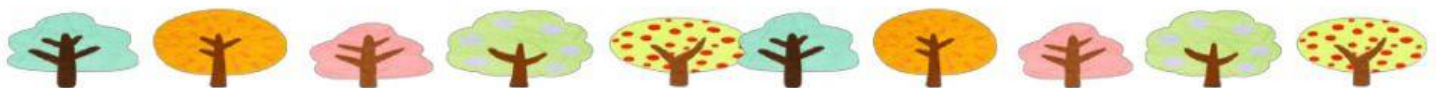
Phân số lớn hơn 1 có tử số lớn hơn 12 là: — ; —

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống:

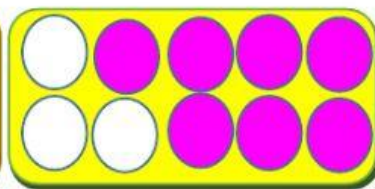
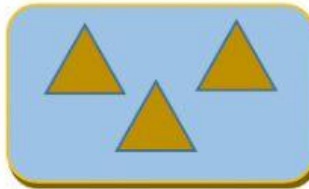
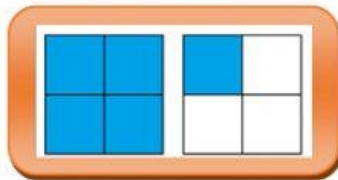
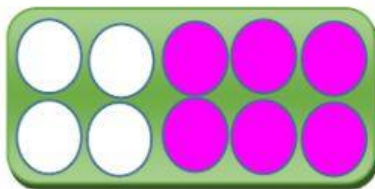
23 : 12 = —

0 : 22 = —

10 : 22 = —



Bài 5 Nối hình có số phần được tô màu với phân số thích hợp:



$$\frac{6}{10}$$

$$\frac{3}{3}$$

$$\frac{5}{4}$$

$$\frac{5}{10}$$

$$\frac{5}{8}$$

$$\frac{7}{10}$$



PHẦN 2: VẬN DỤNG VÀ TỰ LUẬN



Bài 6 : Điền vào ô trống:

Phân số	Tử số	Mẫu số	Đọc
$\frac{4}{5}$	4	5	Bốn phần năm
$\frac{6}{10}$			
.... —			Chín phần mười bốn

Bài 7 : Đọc các phân số sau:

$\frac{6}{10}$:

$\frac{12}{10}$:

Bài 8: Viết các phân số sau:

Năm phần hai trăm: —

Một trăm năm mươi phần hai —

Sáu phần một trăm: —

Một trăm bốn mươi phần hai —